Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6406.10.10

Mã HS	6406.10.10
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũ giày đã hoặc chưa gắn đế trừ đế ngoài); miếng lót của giày, dép có thể tháo rời, đệm gót chân và các sản phẩm tương tự; ghệt, ống ôm sát chân (leggings) và các sản phẩm tương tự, và các bộ phận của chúng / - Mũ giày và các bộ phận của chúng, trừ miếng lót bằng vật liệu cứng trong mũ giày: / - - Mũi giày bằng kim loại
Đơn vị	kg/đôi
Thời điểm tạo	02/11/2026 13:27:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/64061010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10029
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10029
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10029
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.6	8,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9549
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9500
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9500
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9500
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9500
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9500
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9500
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E9552
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9552
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9552
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9552

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9552
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9552
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E9553
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F9553
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9553
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9553
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9553
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9553
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9554
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9506
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9512
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9512
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9512
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9512
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9512
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9512
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9537
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9537
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9537
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9537
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9537
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9537
VCFTA	2022	2022	4	VC!D9583
VCFTA	2023	2023	2	VC!E9583
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9583
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9583

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9583
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9583
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9562
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9562
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9562
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9562
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9562
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9562
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D9575
AHKFTA	2023	2023	15	AKH!E9575
AHKFTA	2024	2024	15	AKH!F9575
AHKFTA	2025	2025	15	AKH!G9575
AHKFTA	2026	2026	15	AKH!H9575
AHKFTA	2027	2027	15	AKH!I9575
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D9585
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E9585
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F9585
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9585
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9585
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9585
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D9584
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E9584
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F9584
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9584
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9584
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9584

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9531
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9531
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9531
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9531
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9531
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9531
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9531
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9569
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9569
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9569
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9569
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9569
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9569
RCEP B	2022	2022	0	B!D9569
RCEP B	2023	2023	0	B!E9569
RCEP B	2024	2024	0	B!F9569
RCEP B	2025	2025	0	B!G9569
RCEP B	2026	2026	0	B!H9569
RCEP B	2027	2027	0	B!I9569
RCEP C	2022	2022	0	C!D9569
RCEP C	2023	2023	0	C!E9569
RCEP C	2024	2024	0	C!F9569
RCEP C	2025	2025	0	C!G9569
RCEP C	2026	2026	0	C!H9569
RCEP C	2027	2027	0	C!I9569
RCEP D	2022	2022	0	D!D9568

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9568
RCEP D	2024	2024	0	D!F9568
RCEP D	2025	2025	0	D!G9568
RCEP D	2026	2026	0	D!H9568
RCEP D	2027	2027	0	D!I9568
RCEP E	2022	2022	0	E!D9572
RCEP E	2023	2023	0	E!E9572
RCEP E	2024	2024	0	E!F9572
RCEP E	2025	2025	0	E!G9572
RCEP E	2026	2026	0	E!H9572
RCEP E	2027	2027	0	E!I9572
RCEP F	2022	2022	0	F!D9569
RCEP F	2023	2023	0	F!E9569
RCEP F	2024	2024	0	F!F9569
RCEP F	2025	2025	0	F!G9569
RCEP F	2026	2026	0	F!H9569
RCEP F	2027	2027	0	F!I9569
VIFTA	2024	2024	12.9	VI!F8857
VIFTA	2025	2025	10.7	VI!G8857
VIFTA	2026	2026	8.6	VI!H8857
VIFTA	2027	2027	6.4	VI!I8857

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6406.10 có 2 dòng thuế; dòng 6406.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Mũi giày bằng kim loại.	6406.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6406.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 6406.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10029), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.